

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2017/HSST.

Ngày: 25 - 9- 2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Luyên.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tuyết.

Ông Nguyễn Thế Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2017/HSST ngày 21 tháng 8 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Trương Quang S, sinh năm: 1991 tại : huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 12/12; Tiền án, tiền sự: không; Con ông: Trương Quang K, sinh năm 1964 và con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960, hiện trú tại: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại theo Quyết định cho bảo lãnh số 17, ngày 08/6/2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar (*Có mặt tại phiên tòa*).

2. Nguyễn Duy S, sinh năm 1996 tại: huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 07/12; Tiền án, tiền sự: không; Con ông: Nguyễn Duy B, sinh năm 1970 và con bà Lê Thị C, sinh năm 1971, hiện trú tại: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo chưa có vợ, con.

Nhân thân: Ngày 21/5/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện bị cáo đã chấp hành xong bản án và về sinh sống tại thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại theo Quyết định cho bảo lãnh số 18, ngày 08/6/2017 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar (*Có mặt tại phiên tòa*)

- Bị hại: Anh Lê Đăng T, sinh năm 1998 (*Vắng mặt*).

Cư trú tại: Thôn A, xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Xuân Đ. Sinh năm 1976

Cư trú tại: Thôn A, xã C, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt*).

- Người làm chứng:

- + Anh Nguyễn Duy K, sinh năm: 1992 (*Vắng mặt*).

- + Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm: 1996 (*Có mặt*).

Đều cư trú tại: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- + Anh Hà Văn G, sinh năm: 1994 (*Vắng mặt*).

Cư trú tại: Thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 01/5/2017, Trương Quang S, Nguyễn Duy S, Nguyễn Duy K, Nguyễn Hữu Đ, Mai Văn G và Phan Văn T cùng nhau đến Bia Club, thuộc nhà hàng tiệc cưới Hương Cau, tại khối A, thị trấn EK, huyện E K để nhậu. Khi đi K điều khiển xe mô tô (của Đ) chở Đ, G điều khiển xe mô tô của G chở Nguyễn Duy S, T điều khiển xe mô tô của T chở Trương Quang S. Lúc vào Bia Club nhậu được khoảng 20 phút thì có Trương Quang D đến. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Lê Đăng T (sinh năm 1998, trú tại thôn A, xã C, huyện EK) cùng với 05 người bạn đi đến Bia Club, nhà hàng Hương Cau để nghe nhạc. Lúc đến thì T dựng xe mô tô biển số 47F1-047.99 ở sân nhà hàng nhưng chìa khoá xe vẫn cắm ở cốp (yên) rồi đi vào trong chơi. Đến khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày thì nhóm của Trương Quang S rủ nhau ra về. Lúc ra sân lấy xe thì Đ nhìn thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đỏ đen dựng ở sân nhà hàng đang cắm chìa khoá ở yên xe, Đ chỉ cho Quang S biết. Khi chỉ chìa khoá cho S thì Đ hỏi K có đi về không thì K chần chừ, Đ, G, D đi về trước, một lát sau thì T điều khiển xe chở K đi về. Lúc này, Quang S nảy sinh ý định trộm cắp nên đi đến lấy chìa khoá xe mô tô biển số 47F1-047.99 rồi đưa cho Duy S và nói “ *Có đưa mô để quên chìa khoá trên xe Exciter đến lấy để về*”. Duy S nghe nói vậy thì hiểu ý của Quang S là trộm cắp chiếc xe trên nên đồng ý. Duy S cầm chìa khoá đến mở khoá xe mô tô biển số 47F1 – 047.99 rồi điều khiển xe và chở Quang S đi về nhà. Đến nhà Duy S thì Quang S đi về còn Duy S dựng xe ở sân, rồi vào nhà lấy tua vít và cờ lê tháo biển số và yếm chắn gió, sau đó Duy S đem yếm chắn gió, biển số giấu ở đồng rác ngoài kho và đem xe mô tô cất vào kho nhà S. Sau đó Duy S đi

đến nhà Quang S nói cho Quang S biết việc mình tháo biển số, yếm chắn gió và giấu xe ở kho. Đến khoảng 11 giờ ngày 03/5/2017, Quang S đi đến nhà Duy S lấy xe mô tô đã trộm cắp hôm 01/5/2017, sau đó điều khiển xe rồi đem đến gửi nhà Hà Văn G (thường trú tại thôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk). Đến khoảng 23 giờ 35 phút cùng ngày, Lê Đăng T đi ra sân nhà hàng Hương Cau để lấy xe đi về thì phát hiện chiếc xe mô tô của mình bị mất, ngày 02/5/2017, Lê Đăng T làm đơn trình báo cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ: Gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu sơn đỏ đen, số máy 55P1046806, số khung 5P10BY46806, xe không có yếm chắn gió, không có biển số, 02 yếm chắn gió, 01 biển số xe mô tô 47F1 – 047.99

Tại bản kết luận định giá số 04, ngày 04/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện EK, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Exciter màu sơn đỏ đen, số máy 55P1046806, số khung 5P10BY46806 trị giá 25.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 45/KSĐT-HS, ngày 18 tháng 8 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar truy tố các bị cáo Trương Quang S và Nguyễn Duy S về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1, Điều 138 Bộ luật hình sự.

Qua quá trình thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trương Quang S, Nguyễn Duy S đã khai nhận: Vào đêm ngày 01/5/2017, các bị cáo Nguyễn Duy K, Nguyễn Hữu Đ, Mai Văn G và Phan Văn T đi nhậu ở Bia club tại nhà hàng Hương Cau, khi ra về Đ có phát hiện tại bãi giữ xe có chiếc xe còn cấm chìa khoá vào yên xe và chỉ cho bị cáo Trương Quang S. Sau khi các bạn đã đi về , bị cáo Quang S nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe nên đã đưa chìa khoá xe cho bị cáo Nguyễn Duy S và nói “có đưa mô để quên chìa khoá trên xe Exciter, đến lấy để về”, bị cáo Duy S hiểu ý là lấy trộm chiếc xe đó nên đến lấy xe về nhà. Khi về đến nơi thì chiếc xe máy dựng ở kho nhà bị cáo Duy S, sau đó sáng ngày 03/5/2017 bị cáo Quang S sang nhà bị cáo Duy S lấy xe về gửi nhà Hà Văn G, đến chiều ngày 03/5/2017 hành vi của các bị cáo bị Cơ quan Công an phát hiện. Ngoài bị cáo Quang S và Duy S không có ai cùng 02 bị cáo tham gia vụ trộm cắp tài sản nói trên.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của 02 bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trương Quang S và Nguyễn Duy S về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Và đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p Khoản 1; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Quang S từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 10 tháng tù.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Duy S từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 10 tháng tù.

*Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, Điều 76 BLTTHS chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 47F1-047.99 cho anh Lê Đăng T.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Đăng T không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với việc Hà Văn G cho bị cáo Trương Quang S gửi xe mô tô tại nhà mình nhưng G không biết đây là tài sản trộm cắp, do đó không đề cập đến để giải quyết.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại anh Lê Đăng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

Vận dụng điều luật nêu trên đối chiếu hành vi phạm tội của các bị cáo, HĐXX áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời qua đó giáo dục riêng, răn đe phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều nhận thức được tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác được luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị trừng trị, với ý thức coi thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu của người khác, vì mục đích tư lợi cá nhân, các bị cáo đã trộm

cấp 01 chiếc xe máy Yamaha Exciter. Hậu quả gây thiệt hại giá trị về tài sản cho anh T là 25.000.000đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo cần được xử lý nghiêm khắc.

Xét thấy trong vụ án này có hai bị cáo cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội, tính chất vai trò của mỗi bị cáo trong vụ án là khác nhau, do đó HĐXX cần phân hóa vai trò của mỗi bị cáo để áp dụng hình phạt cho tương xứng.

Đối với bị cáo Trương Quang S tham gia với vai trò là người khởi xướng, chủ động rủ rê, lôi kéo bị cáo Nguyễn Duy S tham gia trộm cắp tài sản và là người tích cực tham gia vào vụ án, thể hiện ở chỗ khi phát hiện ra chìa khoá xe máy cắm ở yên xe, bị cáo không báo cho bảo vệ hoặc người có trách nhiệm của quán mà đưa cho Nguyễn Duy S để Duy S thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe, sau đó là người đưa xe đi cất giấu để tránh bị phát hiện. Với hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo, HĐXX thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Duy S đóng vai trò là người thực hành tích cực, thể hiện ở chỗ khi bị cáo Trương Quang S đưa chìa khoá xe cho bị cáo Duy S, bị cáo hiểu ý và đến đến lấy xe, sau khi đi xe về nhà bị cáo đã tháo biển số xe và yếm chắn gió để tránh bị người khác phát hiện, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 21/5/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo không ăn năn hối cải, không coi là bài học cho bản thân mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội. Xét thấy hành vi của bị cáo Nguyễn Duy S là nguy hiểm cho xã hội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để trong quá trình giáo dục rèn luyện và cải tạo bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình để từ đó hoàn thiện lối sống.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, hành vi phạm tội của các bị cáo gây thiệt hại không lớn; bị cáo Trương Quang S phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo Trương Quang S đã có thời gian phục vụ quân đội nhân dân Việt Nam. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm g, p Khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự cho các bị cáo; Riêng bị cáo Trương Quang S áp dụng thêm tình tiết quy định tại điểm h khoản 1; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng nhân đạo của pháp luật.

Vì vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đề nghị đối với các bị cáo có phần nghiêm khắc, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt phù hợp với vai trò và tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Đối với việc Hà Văn G cho bị cáo Trương Quang S gửi xe mô tô tại nhà mình nhưng G không biết đây là tài sản trộm cắp, do đó không đề cập đến để giải quyết là có căn cứ.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại anh Lê Đăng T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đề cập đến để giải quyết.

[3] Về vật chứng thu giữ: Áp dụng khoản 2 Điều 41; Khoản 1, Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện EK đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 47F1-047.99 cho anh Lê Đăng T.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố các bị cáo Trương Quang S, Nguyễn Duy S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ Luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trương Quang S 01 (một) năm 03(ba) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ Luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Duy S 01 (một) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Lê Đăng T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đề cập đến để giải quyết .

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41; Khoản 1, Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện EK đã trả lại chiếc xe mô tô biển số 47F1-047.99 cho anh Lê Đăng T.

4. Về án phí: Bị cáo Trương Quang S và bị cáo Nguyễn Duy S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EK;
- Chi cục THADS huyện EK;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Luyện

